Ký bởi: Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Định
Ngày ký: 16-09-2022 15:36:57 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 138 /TTr-UBND	*Bình Định, ngày 16 tháng 9 năm 2022*

TỜ TRÌNH
Về việc giao bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và kế hoạch năm 2022 vốn ngân sách trung ương

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 584/NQ-UBTVQH15 ngày 31/8/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán chi đầu tư phát triển vốn ngân sách trung ương năm 2022 cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương;

Căn cứ Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 29/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ sung, điều chỉnh, giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương (đợt 3);

Căn cứ Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 15/6/2021 của HĐND tỉnh về phương án phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 74/NQ-HĐND ngày 11/12/2021 của HĐND tỉnh về việc phân bổ kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2022.

UBND tỉnh kính trình HĐND tỉnh xem xét, giao bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và kế hoạch năm 2022 vốn ngân sách trung ương, cụ thể như sau:

1. Bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 vốn ngân sách trung ương với số vốn là 740.000 triệu đồng cho dự án Phát triển tích hợp thích ứng - tỉnh Bình Định (dự án đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 31/2020/NQ-HĐND ngày 06/12/2020 và Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND ngày 19/3/2021; đến nay được Thủ tướng Chính phủ bổ sung số tiền trên để triển khai thực hiện trong giai đoạn 2021-2025).

(Chi tiết cụ thể như phụ lục số 01, 02 kèm theo)

2. Bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2022 vốn ngân sách trung ương với số vốn là 835.000 triệu đồng cho 05 dự án giao thông có khả năng giải ngân trong năm 2022 (các dự án này đã được HĐND tỉnh thông qua kế hoạch trung

hạn giai đoạn 2021-2025 tại Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 15/6/2021 và kế hoạch năm 2022 tại Nghị quyết số 74/NQ-HĐND ngày 11/12/2021).

(Chi tiết cụ thể như phụ lục số 03, 04 kèm theo)

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết nghị./.

Nơi nhận:
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- CT các PCT UBND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Sở KH&ĐT;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K1.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục 01

BỔ SUNG TỔNG NGUỒN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Tờ trình số 138 /TTr-UBND ngày 16 / 9 /2022 của UBND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn/danh mục	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch vốn bổ sung	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau khi bổ sung	Ghi chú
A	**VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG**	**9.217.616**	**740.000,000**	**9.957.616,222**	
	Trong đó:				
1	**VỐN NƯỚC NGOÀI**	**1.293.700**	**740.000,000**	**2.033.700,000**	Chi tiết tại phụ lục 02

Phụ lục 02

DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN BỐ TRÍ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN NƯỚC NGOÀI - VỐN ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI) GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

(Kèm theo Tờ trình số 138 /TTr-UBND ngày 16 / 9 /2022 của UBND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhà tài trợ	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư									Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW (vốn nước ngoài - ODA) giai đoạn 2021 - 2025	Ghi chú
				Số quyết định	TMĐT									
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:								
						Vốn đối ứng			Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)					
						Tổng số	*Trong đó:*		Tính bằng nguyên tệ	Quy đổi ra tiền Việt				
							NSTW	NSĐP		Tổng số	*Trong đó:*			
											Đưa vào cân đối NSTW	Vay lại		
	TỔNG SỐ				**2.660.000**	**1.080.000**		**1.080.000**		**1.580.000**	**790.000**	**790.000**	**740.000**	
I	**Giao thông**				**2.660.000**	**1.080.000**		**1.080.000**		**1.580.000**	**790.000**	**790.000**	**740.000**	
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C				**2.660.000**	**1.080.000**		**1.080.000**		**1.580.000**	**790.000**	**790.000**	**740.000**	
a	**Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021 - 2025**				**2.660.000**	**1.080.000**		**1.080.000**		**1.580.000**	**790.000**	**790.000**	**740.000**	
-	***Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2025***				***2.660.000***	***1.080.000***		***1.080.000***		***1.580.000***	***790.000***	***790.000***	***740.000***	
(1)	Phát triển tích hợp thích ứng - tỉnh Bình Định	37969	WB	2265/QĐ-TTg ngày 31/12/2021	2.660.000	1.080.000		1.080.000	68,4 triệu USD	1.580.000	790.000	790.000	740.000	

Phụ lục 03

BỔ SUNG TỔNG NGUỒN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2022

(Kèm theo Tờ trình số 438 /TTr-UBND ngày 16/ 9 /2022 của UBND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn/danh mục	Kế hoạch năm 2022 đã giao	Kế hoạch vốn bổ sung	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau khi bổ sung	Ghi chú
A	**VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG**	**2.795.782**	**835.000**	**3.630.782**	
	Trong đó:				
I	**VỐN TRONG NƯỚC**	**2.448.914**	**835.000**	**3.283.914**	Chi tiết tại phụ lục 04

Phụ lục 04

BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2022

(Kèm theo Tờ trình số 2138/TTr-UBND ngày 16 / 9 /2022 của UBND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Tên dự án	Quyết định phê duyệt			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 vốn NSTW	Kế hoạch năm 2021 vốn NSTW	Kế hoạch vốn NSTW năm 2022 đã bố trí	Kế hoạch vốn NSTW năm 2022 bổ sung	Kế hoạch vốn NSTW năm 2022 sau khi bổ sung	Ghi chú
		Số QĐ, ngày/ tháng/ năm	Tổng mức đầu tư	*Trong đó: Vốn ngân sách Trung ương*						
	TỔNG CỘNG		**6.115.447**	**3.720.000**	**3.720.000**	**5.520**	**1.330.000**	**835.000**	**2.165.000**	
1	Tuyến đường kết nối từ trung tâm thị xã An Nhơn đến đường ven biển phía Tây đầm Thị Nại	03/NQ-HĐND; 19/3/2021 36/NQ-HĐND; 02/7/2021 3758/QĐ-UBND; 10/9/2021	1.043.639	680.000	680.000		200.000	153.000	353.000	
2	Xây dựng tuyến đường tránh phía Nam thị trấn Phú Phong	31/NQHĐND; 02/7/2021 4825/QĐ-UBND; 03/12/2021	791.386	440.000	440.000		100.000	210.000	310.000	
3	Đường ven biển tỉnh Bình Định đoạn Cát Tiến – Diêm Vân	19/NQ-HĐND; 15/6/2021 3728/QĐ-UBND; 08/9/2021	2.674.648	1.800.000	1.800.000	5.520	800.000	178.000	978.000	
4	Tuyến đường kết nối từ đường phía Tây tỉnh (ĐT.638) đến đường ven biển (ĐT.639) trên địa bàn huyện Phù Mỹ	03/NQ-HĐND;19/3/2021 38/NQ-HĐND;02/7/2021 4093/QĐ-UBND; 16/10/2021 33/NQ-HĐND; 07/9/2022	818.593	400.000	400.000		100.000	131.000	231.000	
5	Tuyến đường kết nối với đường ven biển (ĐT.639) trên địa bàn thị xã Hoài Nhơn	03/NQ-HĐND; 19/3/2021 37/NQ-HĐND; 02/7/2021 3833/QĐ-UBND; 16/9/2021 32/NQ-HĐND; 07/9/2022	787.181	400.000	400.000		130.000	163.000	293.000	

ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Số: 584/NQ-UBTVQH15	Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 31 tháng 8 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán chi đầu tư phát triển vốn ngân sách trung ương năm 2022 cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương

ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 64/2020/QH14, Luật số 72/2020/QH14 và Luật số 03/2022/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 59/2020/QH14;

Căn cứ Nghị quyết số 43/2022/QH15 về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội; Nghị quyết số 34/2021/QH15 về dự toán ngân sách nhà nước năm 2022 và Nghị quyết số 40/2021/QH15 về phân bổ ngân sách trung ương năm 2022;

Sau khi xem xét Tờ trình số 268/TTr-CP ngày 9 tháng 8 năm 2022 và Báo cáo số 288/BC-CP ngày 28 tháng 8 năm 2022 của Chính phủ, Báo cáo thẩm tra số 721/BC-UBTCNS15 ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban Tài chính, Ngân sách về danh mục, mức vốn cho các nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội; điều chỉnh, bổ sung dự toán chi đầu tư phát triển năm 2022 cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh dự toán chi đầu tư phát triển vốn ngân sách trung ương năm 2022

1. Giảm dự toán chi đầu tư phát triển vốn ngân sách trung ương trong nước **2.925,749 tỷ đồng** của 09 Bộ, cơ quan trung ương và 02 địa phương để bổ sung dự toán tương ứng cho Ngân hàng Phát triển Việt Nam và Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam.

2. Giảm dự toán chi đầu tư phát triển vốn nước ngoài **424,402 tỷ đồng** của 02 Bộ và 03 địa phương để bổ sung dự toán 209,988 tỷ đồng cho 06 địa phương. Số vốn điều chỉnh giảm còn lại là 214,414 tỷ đồng, giao Chính phủ báo cáo Ủy ban

Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định khi đáp ứng đủ điều kiện bổ sung dự toán theo quy định.

(Chi tiết tại Phụ lục số 01 kèm theo Nghị quyết này)

Điều 2. Bổ sung dự toán chi đầu tư phát triển vốn ngân sách trung ương năm 2022 từ nguồn vốn Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội

1. Bổ sung dự toán chi đầu tư phát triển vốn ngân sách trung ương trong nước **19.570,446** tỷ đồng cho 10 Bộ, cơ quan trung ương và 36 địa phương để thực hiện nhiệm vụ, dự án thuộc Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.

2. Bổ sung dự toán chi đầu tư phát triển vốn ngân sách trung ương trong nước **18.584,907** tỷ đồng để thực hiện các nhiệm vụ: hỗ trợ lãi suất 2%/năm thông qua hệ thống ngân hàng thương mại, hỗ trợ lãi suất, cho vay, cấp bù lãi suất và phí quản lý để thực hiện chính sách cho vay ưu đãi của Ngân hàng Chính sách xã hội, cấp vốn điều lệ cho Quỹ hỗ trợ phát triển du lịch theo quy định tại Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội.

(Chi tiết tại Phụ lục số 02 kèm theo Nghị quyết này)

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Chính phủ chỉ đạo thực hiện điều chỉnh, bổ sung dự toán chi đầu tư phát triển vốn ngân sách trung ương năm 2022 cho các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương theo quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước, Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội, Nghị quyết số 29/2021/QH15 của Quốc hội, bảo đảm đúng mục đích, đạt hiệu quả. Chính phủ chịu trách nhiệm về các thông tin số liệu, danh mục dự án và mức vốn bố trí cho từng nhiệm vụ, dự án theo quy định của pháp luật.

2. Ủy ban Tài chính, Ngân sách, Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban khác của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội, đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Kiểm toán nhà nước, trong phạm vi nhiệm vụ và quyền hạn của mình, giám sát, kiểm toán việc thực hiện Nghị quyết này./.

Nơi nhận:
- Như khoản 2 Điều 3;
- Chủ tịch, các PCTQH, Ủy viên UBTVQH;
- Thủ tướng; các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- UBTWMTTQVN;
- VPTƯ Đảng, VPCTN, VPQH, VPCP;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Lưu: HC, TCNS.
- E-pas: 73656

TM. ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI
CHỦ TỊCH

Vương Đình Huệ

Phụ lục 01

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2022 GIỮA CÁC BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG VÀ ĐỊA PHƯƠNG

(Kèm theo Nghị quyết số 589 /NQ-UBTVQH15 ngày 31 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội)

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Bộ, cơ quan Trung ương/Địa phương	Dự toán chi đầu tư phát triển vốn ngân sách trung ương năm 2022 được phân bổ tại các Nghị quyết: số 40/2021/QH15 ngày 13/11/2021 của Quốc hội và số 517/NQ-UBTVQH15 ngày 22/5/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội			Điều chỉnh dự toán chi đầu tư phát triển vốn ngân sách trung ương năm 2022			
		Tổng số	Trong đó:		Vốn trong nước		Vốn nước ngoài	
			Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng
	TỔNG SỐ	**35.784,372**	**32.382,347**	**3.402,025**	**2.925,749**	**2.925,749**	**424,402**	**209,988**
I	**BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG**	**17.662,398**	**16.119,940**	**1.542,458**	**1.897,749**	**2.925,749**	**300,364**	
1	Tòa án nhân dân tối cao	1.387,700	1.387,700		387,700			
2	Bộ Tư pháp	1.084,800	1.084,800		564,725			
3	Bộ Khoa học và Công nghệ	410,200	410,200		141,670			
4	Bộ Giáo dục và Đào tạo	1.434,547	521,900	912,647	34,773			
5	Bộ Y tế	1.645,300	1.415,300	230,000	540,800		50,000	
6	Bộ Tài nguyên và Môi trường	1.706,311	1.306,500	399,811			250,364	
7	Thanh tra Chính phủ	48,800	48,800		41,440			
8	Tổng liên đoàn lao động Việt Nam	107,000	107,000		31,600			
9	Trung ương Hội liên hiệp Phụ nữ Việt Nam	64,000	64,000		54,004			
10	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	5.868,140	5.868,140			2.693,172		
11	Ngân hàng Chính sách xã hội	3.802,600	3.802,600			232,577		
12	Liên minh Hợp tác xã Việt Nam	103,000	103,000		101,037			
II	**ĐỊA PHƯƠNG**	**18.121,974**	**16.262,407**	**1.859,567**	**1.028,000**		**124,038**	**209,988**
1	Cao Bằng	3.428,387	2.985,694	442,693	538,000			
2	Phú Thọ	2.238,101	2.208,101	30,000				32,050
3	Bắc Giang	2.019,668	1.886,868	132,800				43,278
4	Quảng Ngãi	2.038,082	1.989,746	48,336				12,000
5	Khánh Hòa	874,085	746,467	127,618			1,639	5,000
6	Đắk Nông	2.041,650	1.683,363	358,287			112,375	
7	Đồng Nai	1.037,912	939,079	98,833	490,000			
8	Tây Ninh	1.039,120	931,217	107,903				100,000
9	Vĩnh Long	1.892,553	1.628,858	263,695			10,024	
10	Hậu Giang	1.512,416	1.263,014	249,402				17,660

Phụ lục 02

BỔ SUNG DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2022 CHO CÁC BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG VÀ ĐỊA PHƯƠNG TỪ NGUỒN VỐN CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

(Kèm theo Nghị quyết số 84/NQ-UBTVQH15 ngày 31 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội)

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Bộ, cơ quan Trung ương/Địa phương	Dự toán chi đầu tư phát triển vốn ngân sách trung ương trong nước năm 2022 được phân bổ tại các Nghị quyết: số 40/2021/QH15 ngày 13/11/2021 của Quốc hội và số 517/NQ-UBTVQH15 ngày 22/5/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội	Bổ sung dự toán chi đầu tư phát triển vốn ngân sách trung ương trong nước năm 2022 từ nguồn điều hòa vốn của Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội			
			Tổng số	Trong đó:		
				Cho các nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội	Cho các nhiệm vụ, dự án đã được Thủ tướng Chính phủ giao kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Cho các nhiệm vụ, dự án thuộc trách nhiệm của NSTW mà Chính phủ đã báo cáo Quốc hội tại Báo cáo số 243/BC-CP ngày 16/07/2021
	TỔNG SỐ	**122.201,419**	**38.155,353**	**18.584,907**	**14.847,446**	**4.723,000**
I	**BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG**	**59.184,600**	**24.888,287**	**18.584,907**	**1.580,380**	**4.723,000**
1	Văn phòng Chính phủ	222,000	47,776		47,776	
2	Bộ Công an	6.000,000	957,000		957,000	
3	Bộ Giao thông vận tải	45.450,900	4.723,000			4.723,000
4	Bộ Xây dựng	1.185,200	3,634		3,634	
5	Bộ Thông tin và Truyền thông	111,000	18,000		18,000	
6	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	1.010,900	150,000	150,000		
7	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	544,600	16.034,907	16.034,907		
8	Thông tấn xã Việt Nam	129,500	8,000		8,000	
9	Đài tiếng nói Việt Nam	250,100	210,000		210,000	
10	Đài Truyền hình Việt Nam	433,700	33,047		33,047	

STT	Bộ, cơ quan Trung ương/Địa phương	Dự toán chi đầu tư phát triển vốn ngân sách trung ương trong nước năm 2022 được phân bổ tại các Nghị quyết: số 40/2021/QH15 ngày 13/11/2021 của Quốc hội và số 517/NQ-UBTVQH15 ngày 22/5/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội	Bổ sung dự toán chi đầu tư phát triển vốn ngân sách trung ương trong nước năm 2022 từ nguồn điều hòa vốn của Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội			
			Tổng số	Trong đó:		
				Cho các nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội	Cho các nhiệm vụ, dự án đã được Thủ tướng Chính phủ giao kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Cho các nhiệm vụ, dự án thuộc trách nhiệm của NSTW mà Chính phủ đã báo cáo Quốc hội tại Báo cáo số 243/BC-CP ngày 16/07/2021
11	Hội nông dân Việt Nam	44,100	36,000		36,000	
12	Ngân hàng Chính sách xã hội	3.802,600	2.666,923	2.400,000	266,923	
II	**ĐỊA PHƯƠNG**	**63.016,819**	**13.267,066**		**13.267,066**	
	Miền núi phía Bắc	**27.257,644**	**7.004,310**		**7.004,310**	
1	Hà Giang	3.112,773	646,700		646,700	
2	Tuyên Quang	3.241,355	550,000		550,000	
4	Lào Cai	2.100,082	285,000		285,000	
5	Yên Bái	1.785,634	350,000		350,000	
6	Thái Nguyên	1.927,775	152,000		152,000	
7	Bắc Kạn	2.309,947	110,000		110,000	
8	Phú Thọ	2.208,101	1.690,000		1.690,000	
9	Bắc Giang	1.886,868	726,810		726,810	
10	Hòa Bình	1.661,465	495,000		495,000	
11	Sơn La	2.743,784	1.030,300		1.030,300	
12	Lai Châu	1.955,490	646,000		646,000	
13	Điện Biên	2.324,372	322,500		322,500	
	Đồng bằng sông Hồng	**8.845,136**	**2.423,633**		**2.423,633**	
14	Hải Dương	1.123,728	531,483		531,483	

STT	Bộ, cơ quan Trung ương/Địa phương	Dự toán chi đầu tư phát triển vốn ngân sách trung ương trong nước năm 2022 được phân bổ tại các Nghị quyết: số 40/2021/QH15 ngày 13/11/2021 của Quốc hội và số 517/NQ-UBTVQH15 ngày 22/5/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội	Bổ sung dự toán chi đầu tư phát triển vốn ngân sách trung ương trong nước năm 2022 từ nguồn điều hòa vốn của Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội			
			Tổng số	Trong đó:		
				Cho các nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội	Cho các nhiệm vụ, dự án đã được Thủ tướng Chính phủ giao kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Cho các nhiệm vụ, dự án thuộc trách nhiệm của NSTW mà Chính phủ đã báo cáo Quốc hội tại Báo cáo số 243/BC-CP ngày 16/07/2021
15	Hưng Yên	1.366,680	336,150		336,150	
16	Bắc Ninh	514,125	296,000		296,000	
17	Hà Nam	1.317,460	290,000		290,000	
18	Nam Định	1.570,234	500,000		500,000	
19	Ninh Bình	1.426,333	150,000		150,000	
20	Thái Bình	1.526,576	320,000		320,000	
	Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung	**16.447,039**	**2.025,088**		**2.025,088**	
21	Nghệ An	5.084,701	320,000		320,000	
22	Quảng Trị	1.463,492	247,800		247,800	
23	Quảng Ngãi	1.989,746	40,000		40,000	
24	Bình Định	2.753,969	835,000		835,000	
25	Phú Yên	1.350,673	40,000		40,000	
26	Khánh Hòa	746,467	144,250		144,250	
27	Ninh Thuận	1.171,527	338,038		338,038	
28	Bình Thuận	1.886,463	60,000		60,000	
	Tây Nguyên	2.796,879	**308,290**		**308,290**	
29	Kon Tum	1.762,758	108,290		108,290	
30	Lâm Đồng	1.034,121	200,000		200,000	

STT	Bộ, cơ quan Trung ương/Địa phương	Dự toán chi đầu tư phát triển vốn ngân sách trung ương trong nước năm 2022 được phân bổ tại các Nghị quyết: số 40/2021/QH15 ngày 13/11/2021 của Quốc hội và số 517/NQ-UBTVQH15 ngày 22/5/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội	Bổ sung dự toán chi đầu tư phát triển vốn ngân sách trung ương trong nước năm 2022 từ nguồn điều hòa vốn của Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội			
			Tổng số	Trong đó:		
				Cho các nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội	Cho các nhiệm vụ, dự án đã được Thủ tướng Chính phủ giao kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Cho các nhiệm vụ, dự án thuộc trách nhiệm của NSTW mà Chính phủ đã báo cáo Quốc hội tại Báo cáo số 243/BC-CP ngày 16/07/2021
	Đông Nam Bộ	**1.131,217**	**267,000**		**267,000**	
31	Bình Dương	200,000	150,000		150,000	
32	Tây Ninh	931,217	117,000		117,000	
	Đồng bằng sông Cửu Long	**6.538,904**	**1.238,745**		**1.238,745**	
33	Long An	1.474,700	135,000		135,000	
34	Tiền Giang	1.196,378	298,245		298,245	
35	Bến Tre	1.424,885	65,000		65,000	
36	Trà Vinh	1.285,256	440,500		440,500	
37	Thành phố Cần Thơ	1.157,685	300,000		300,000	

Cơ quan phát hành: Văn phòng Chính phủ
Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Định
Thời gian ký: 13/09/2022 09:11:54 +07:0

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1012/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về việc bổ sung, điều chỉnh, giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025 cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương (đợt 3)

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 29/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Thông báo số 1348/TB-TTKQH ngày 16 tháng 8 năm 2022 về Kết luận của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 cho danh mục dự án đã hoàn thiện thủ tục đầu tư và bổ sung, điều chỉnh kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương (đợt 3);

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 550 /TTr-BKHĐT ngày 23 tháng 8 năm 2022;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025 (đợt 3)

1. Điều chỉnh giảm kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025 ngành giao thông của Bộ Giao thông vận tải là 31.396 tỷ đồng; đồng thời điều chỉnh tăng tương ứng kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025 cho các địa phương, gồm: Thành phố Hà Nội là 8.400 tỷ đồng, Hưng Yên là 3.740 tỷ đồng, Bắc Ninh là 2.110 tỷ đồng, Thành phố Hồ Chí Minh là 10.627 tỷ đồng, Đồng Nai là 856 tỷ đồng, Bình Dương là 4.266 tỷ đồng và Long An là 1.397 tỷ đồng.

2. Giao bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn nước ngoài nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025 cho các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ (sau đây gọi tắt là các bộ, cơ quan trung ương) và các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là các địa phương) tại các Phụ lục kèm theo.

3. Giao danh mục, mức vốn ngân sách trung ương bố trí kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 cho từng dự án, nhiệm vụ tại các Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025

1. Các bộ, cơ quan trung ương và các địa phương căn cứ kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025, danh mục dự án và mức vốn ngân sách trung ương trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 được giao tại Điều 1 Quyết định này:

a) Thông báo hoặc quyết định giao kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 cho các cơ quan, đơn vị sử dụng vốn đầu tư công, chi tiết danh mục dự án và mức vốn ngân sách trung ương bố trí cho từng dự án, nhiệm vụ, bảo đảm phù hợp theo quy định của pháp luật về đầu tư công.

b) Căn cứ khả năng cân đối vốn hằng năm, ưu tiên bố trí đủ vốn cho các dự án chuyển tiếp; chỉ bố trí vốn cho các dự án khởi công mới sau khi đã bố trí đủ vốn cho các dự án chuyển tiếp theo tiến độ được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhằm hoàn thành sớm các dự án này, phát huy hiệu quả đầu tư, giảm tối đa thời gian bố trí vốn của dự án.

c) Chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ, các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và cơ quan liên quan về tính chính xác của các nội dung, số liệu báo cáo, danh mục dự án và mức vốn bố trí cho từng dự án bảo đảm đúng quy định của pháp luật.

2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn các bộ, cơ quan trung ương và các địa phương triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 theo quy định Luật Đầu tư công và Luật Ngân sách nhà nước.

3. Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao về quản lý nhà nước đối với đầu tư công chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ, các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và cơ quan liên quan về tính chính xác của các nội dung, số liệu báo cáo, bảo đảm đúng quy định của pháp luật.

Điều 3. Thời hạn báo cáo kết quả thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025.

1. Báo cáo của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương về việc thông báo hoặc quyết định giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025 cho các cơ quan, đơn vị sử dụng vốn đầu tư công về Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính trước ngày 15 tháng 9 năm 2022.

2. Thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công, Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công, Nghị quyết của Chính phủ và chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ có liên quan.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 5. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị sử dụng vốn đầu tư công nguồn ngân sách trung ương được giao, điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 5;
- Thủ tướng, các PTTgCP;
- Các bộ, cơ quan trung ương nêu tại Điều 1;
- HĐND, UBND các tỉnh nêu tại Điều 1;
- Đoàn ĐBQH các tỉnh nêu tại Điều 1;
- Văn phòng Quốc hội;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Kiểm toán Nhà nước;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ: TH, TKBT, CN, NN, KGVX, NC, QHQT, QHĐP;
- Lưu: Văn thư, KTTH (3b). 55

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Lê Minh Khái

Tỉnh Bình Định

Phụ lục I

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương (vốn nước ngoài) giai đoạn 2021-2025
	TỔNG SỐ	**740.000**
I	**VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG**	*740.000*

Tỉnh Bình Định

Phụ lục I.A

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025 PHÂN THEO NGÀNH, LĨNH VỰC

(Kèm theo Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Ngành, lĩnh vực	Kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương (vốn nước ngoài) giai đoạn 2021-2025
	TỔNG SỐ	**740.000**
	Các hoạt động kinh tế	740.000
	Trong đó	
-	*Giao thông*	*740.000*

Tỉnh Bình Định

Phụ lục II

DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN BỐ TRÍ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN NƯỚC NGOÀI - VỐN ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI) GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-TTg ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhà tài trợ	Ngày ký kết hiệp định	Ngày kết thúc Hiệp định	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư								Kế hoạch trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025				Ghi chú
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT							Tổng số	Trong đó:			
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:							Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW	
								Vốn đối ứng			Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)							
								Tổng số	Trong đó		Tính bằng nguyên tệ	Quy đổi ra tiền Việt						
									NSTW	NSĐP		Tổng số	Trong đó					
													Đưa vào cân đối NSTW	Vay lại			Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW	
	Tổng số						**2.660.000**	**1.080.000**		**1.080.000**		**1.580.000**	**790.000**	**790.000**	**740.000**			**740.000**	
	Bình Định						**2.660.000**	**1.080.000**		**1.080.000**		**1.580.000**	**790.000**	**790.000**	**740.000**			**740.000**	
I	**Giao thông**						**2.660.000**	**1.080.000**		**1.080.000**		**1.580.000**	**790.000**	**790.000**	**740.000**			**740.000**	
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C						**2.660.000**	**1.080.000**		**1.080.000**		**1.580.000**	**790.000**	**790.000**	**740.000**			**740.000**	
a	**Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025**						**2.660.000**	**1.080.000**		**1.080.000**		**1.580.000**	**790.000**	**790.000**	**740.000**			**740.000**	
	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2025						***2.660.000***	***1.080.000***		***1.080.000***		***1.580.000***	***790.000***	***790.000***	***740.000***			***740.000***	
(1)	Phát triển tích hợp thích ứng – tỉnh Bình Định	37969	WB			2265/QĐ-TTg ngày 31/12/2021	2.660.000	1.080.000		1.080.000	68,4 triệu USD	1.580.000	790.000	790.000	740.000			740.000	